

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 1871/2022/DS-ST

Ngày: 27/5/2022

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về “TrA chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2746/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Chí V, sinh năm: 1960

Địa chỉ: số nhà 08 đường Tr, Khu phố X, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Hoàng Vân A, sinh năm: 1999

Địa chỉ: số nhà 32 đường B, phường B1, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bành Đặng Chí L, sinh năm: 1972

Địa chỉ: số nhà 986/6 đường C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đàm Tú X, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Địa chỉ: số nhà 08 đường Tr, Khu phố X, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lương Thế K, sinh năm: 1980

Địa chỉ: số nhà 01 Đường X, Khu phố K, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê Xuân H, sinh năm: 1973 – Luật sư Văn phòng Luật sư HL, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Vân A, ông L, ông H có mặt. Bà X, ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Chí V và người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Hoàng Vân A trình bày:

Nhà đất tại địa chỉ 38 (số cũ 134A7) đường V1, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông Đặng Chí V và bà Đàm Tú X nhận chuyển nhượng của Công ty Kinh doanh nhà T năm 1991, đến năm 2004 ông V bà X được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Để tạo điều kiện giúp đỡ cho em ruột là ông Bành Đặng Chí L làm ăn nên từ khi mua được nhà, ông V đồng ý cho ông L sử dụng một phần tầng trệt căn nhà làm mặt bằng buôn bán đồ phụ tùng xe máy, không lấy tiền thuê, còn vợ chồng ông V thì sống tại tầng 1. Ông L chỉ buôn bán, không sống tại đây nhưng để thuận tiện ông V đồng ý cho ông L cùng sử dụng chung chìa khóa cửa chính căn nhà. Năm 2019 cửa hàng kinh doanh A không còn hiệu quả nên ông L ngừng buôn bán, dọn hàng hóa về nhà ông L, mặt bằng để trống. Vợ chồng ông V cũng dọn đến sống tại phường Hiệp Phú nên khóa cửa căn nhà. Tháng 6/2019 ông V có nhu cầu sửa chữa lại nhà cho người khác thuê nên đã thông báo và đề nghị ông L giao trả lại chìa khóa nhưng ông L không đồng ý. Tháng 10/2019 nhân lúc vợ chồng ông V đi nước ngoài, ông L đã thay ổ khóa cửa và chiếm giữ toàn bộ căn nhà. Đến tháng 10/2021 ông L cho phép bạn ông L cùng sử dụng tầng trệt mở quán bán cơm tấm mà không hỏi ý kiến ông V. Ông V nhiều lần đến yêu cầu ông L chấm dứt việc buôn bán, giao trả nhà đất nhưng ông L không thực hiện và cản trở ông V vào nhà.

Do ông L chiếm giữ trái phép nhà đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông V bà X nên ông V khởi kiện yêu cầu ông L phải giao trả ngay căn nhà có diện tích 48 m² thuộc thửa đất số 84; tờ bản đồ số 01 tại phường Trường Thọ, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu ông L bồi thường số tiền 450.000.000 đồng là thiệt hại chi phí cho thuê nhà bị mất trong thời gian ông L chiếm giữ căn nhà.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại số tiền 450.000.000 đồng.

Bị đơn ông Bành Đặng Chí L trình bày:

Ông là em trai của ông Đặng Chí V và được ông V đồng ý cho buôn bán đồ phụ tùng xe máy tại căn nhà số 38 (số cũ 134A7) đường V1, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1991. Nguồn gốc căn nhà này do ông Đặng Chí V và bà Đàm Tú X bỏ tiền mua của công ty nhà, hình thức mua trả góp. Theo ông được biết thì trước đây cha mẹ ông và một số A em khác trong gia đình cũng có góp tiền để mua căn nhà này, riêng bản thân ông không đóng góp tiền nhưng ông có thời gian làm công cho A chị không lấy lương, xem như ông cũng có đóng góp công sức mua nhà. Tuy nhiên, ông không tranh chấp về quyền sở hữu căn nhà, thừa nhận nhà, đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông V bà X. Năm 2019 cửa hàng phụ tùng xe vắng khách nên ông ngừng kinh doanh, thu dọn hàng hóa về nhà. Tháng 6/2019 ông V có thông báo và đề nghị ông giao trả lại mặt bằng trong thời hạn một tháng để ông V sửa chữa cho thuê nhưng ông không đồng ý vì ông vẫn mong muốn tiếp tục kinh doanh mặt hàng khác. Tháng 10/2019 khi ông V bà X đi nước ngoài, ông đã thay ổ khóa căn nhà để đảm bảo an toàn. Khi ông V trở về có đến yêu cầu ông giao trả căn nhà, ông thấy không hợp lý nên không thực hiện. Tháng 10/2021 ông hùn vốn với ông Lương Thế K mở quán bán cơm tấm tại tầng trệt căn nhà nhưng từ khi ông V khởi kiện thì ông K đã thu dọn đồ đạc, không buôn bán nữa. Hiện nay quán cơm đã ngưng hoạt động, mặt bằng chỉ còn lại một số vật dụng của ông và ông đang quản lý căn nhà.

Ông không đồng ý giao trả lại nhà, đất cho ông V, bà X vì hiện tại ông V bà X không sinh sống tại căn nhà này. Ông đề nghị được thuê lại mặt bằng để làm ăn vì ông kinh doanh tại đây đã lâu và ông là người trong gia đình nên phải được quyền lợi ưu tiên sử dụng mặt bằng, trường hợp ông V cho người khác thuê thì ông phải được trực tiếp nhận tiền thuê hàng tháng ít nhất 15.000.000 đồng để đảm bảo cuộc sống. Việc hùn vốn kinh doanh quán cơm tấm giữa ông với ông K tự giải quyết với nhau.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đàm Tú X trình bày: Bà xác định nhà đất tại địa chỉ 38 đường V1, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung vợ chồng, có nguồn gốc do bà và ông Đặng Chí V nhận chuyển nhượng của Công ty Kinh doanh nhà T vào năm 1991. Do hoàn cảnh của ông L chưa có nghề nghiệp ổn định nên vợ chồng bà đồng ý cho ông L sử dụng chung mặt bằng tầng trệt căn nhà để buôn bán đồ phụ tùng xe máy. Gia đình bà cũng sống tại đây, đến năm 2019 bà bị bệnh phải phẫu thuật nên dọn về căn nhà tại phường Hiệp Phú để tiện dưỡng bệnh, hàng tuần ông V vẫn lui tới trông coi căn nhà, thời gian này ông L cũng ngừng việc kinh doanh và dọn đồ đạc về nhà của ông L nên vợ chồng bà có thông báo với ông L sẽ cho người khác thuê mặt bằng, yêu cầu ông L giao trả chìa khóa nhưng ông L không thực hiện. Đến tháng 10/2019 ông bà đi nước ngoài thăm con, ông L đã tự ý thay ổ khóa và chiếm

giữ căn nhà đến nay. Bà thống nhất với yêu cầu của ông V, đề nghị ông L giao trả nhà, đất cho vợ chồng bà.

2. Ông Lương Thế K trình bày: Ông có quan hệ bạn bè với ông Bành Đặng Chí L. Tháng 10/2021 ông hùn vốn với ông L mở quán bán cơm tấm tại tầng trệt căn nhà 38 đường V1, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông chỉ đến buôn bán vào ban ngày, không sinh sống tại đây và không biết nguồn gốc nhà, đất; do ông biết ông L buôn bán đồ phụ tùng xe máy tại đây vào thời gian trước nên ông nghĩ rằng ông L có quyền quyết định đối với mặt bằng này. Ông không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tháng 4/2022 ông đã thu dọn đồ đạc về nhà, trả lại mặt bằng trống cho ông L. Việc hùn vốn bán cơm giữa ông và ông L sẽ tự giải quyết với nhau, ông không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền 20.000.000 đồng để bị đơn tìm mặt bằng mới ngay sau khi bị đơn giao trả nhà, đất. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ một lần 06 tháng tiền sinh hoạt phí, mỗi tháng 15.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Tú X, ông Lương Thế K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ giấy chứng nhận đã cấp cho nguyên đơn để xác định căn nhà bị đơn đang sử dụng thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng không chứng minh được về quyền sở hữu tài sản, bị đơn cho rằng có đóng góp công sức trong việc mua nhà nhưng không phải là người bỏ chi phí thA toán tiền mua nhà, đất. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn giao trả nhà, đất tại 38 đường V1, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cho nguyên đơn. Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 20.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên công nhận.

Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường thiệt hại 450.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp đòi tài sản”. Do đối tượng tranh chấp là bất động sản tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Tú X, ông Lương Thế K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét, nhà đất nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả có diện tích xây dựng là 48 m² thuộc thửa đất số 84 (có diện tích 58 m²), tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2498/2004 ngày 15/6/2004. Ông Bành Đặng Chí L cho rằng có đóng góp công sức trong việc mua nhà nhưng ông xác định không góp tiền để thanh toán tiền mua nhà và không chứng minh được đã đóng góp công sức như thế nào. Đồng thời ông L thừa nhận quyền sở hữu của ông V bà X đối với nhà đất, không tranh chấp về quyền sở hữu nên Hội đồng xét xử căn cứ giấy chứng nhận thể hiện nhà, đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Đặng Chí V và bà Đàm Tú X, xác định ông V bà X là chủ sở hữu và chủ sử dụng hợp pháp của nhà, đất tại địa chỉ 38 đường V1, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.1] Ông Bành Đặng Chí L là em ruột của ông Đặng Chí V nên được ông V bà X cho phép sử dụng một phần tầng trệt căn nhà làm mặt bằng kinh doanh đồ phụ tùng xe máy từ năm 1991, ông L không phải trả tiền. Sau khi ông V bà X được công nhận chủ sở hữu tài sản, ông bà tiếp tục cho ông L sử dụng mặt bằng. Thỏa thuận này không được lập thành văn bản nhưng được ông L thừa nhận nên có cơ sở xác định giữa ông V, bà X và ông L có quan hệ giao dịch mượn tài sản là mặt bằng tầng trệt căn nhà số 38 V1, phường T1, thành phố T, mục đích của việc cho mượn tài sản là để tạo điều kiện giúp đỡ ông L kinh doanh buôn bán.

Xét, lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời thừa nhận của bị đơn và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nên có căn cứ xác định một phần tầng trệt căn nhà bị đơn sử dụng từ năm 1991 phát sinh từ hợp đồng cho mượn tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn thừa nhận năm 2019 do kinh doanh không hiệu quả nên bị đơn đã đóng cửa cửa hàng bán đồ phụ tùng xe gắn máy, thu dọn hàng hóa về nhà và để mặt bằng trống. Như vậy có cơ sở xác định từ năm 2019 bị đơn đã ngừng việc kinh doanh và không thực tế

sử dụng mặt bằng căn nhà 38 V1 nữa. Do hợp đồng mượn tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về thời hạn mượn nên nguyên đơn phát sinh quyền đòi lại tài sản cho mượn ngay sau khi bên mượn đạt được mục đích hoặc khi nguyên đơn có nhu cầu cần sử dụng tài sản cho mượn.

[2.2] Về thông báo lấy lại mặt bằng: Mặc dù nguyên đơn chỉ thông báo bằng miệng, không lập văn bản nhưng bị đơn thừa nhận đã được nguyên đơn thông báo và yêu cầu giao trả chìa khóa căn nhà, thời hạn giao vào cuối tháng 7/2019 nhưng không thực hiện. Từ tháng 10/2019 trong thời gian nguyên đơn đi nước ngoài, bị đơn đã tự ý thay ổ khóa cửa và trực tiếp quản lý toàn bộ căn nhà. Đến tháng 10/2021 bị đơn đồng ý cho ông Lương Thế K cùng sử dụng mặt bằng tầng trệt để mở quán bán cơm tấm mà không hỏi ý kiến nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của bên mượn tài sản theo quy định tại Điều 496 Bộ luật dân sự năm 2015, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn.

Xét, bị đơn không đồng ý giao trả nhà đất với lý do bị đơn kinh doanh tại địa chỉ này trong thời gian dài nên mong muốn được tiếp tục buôn bán, bị đơn là người trong cùng gia đình với ông V nên có quyền lợi được ưu tiên và đề nghị được thuê lại mặt bằng, trường hợp ông V cho người khác thuê thì bị đơn đề nghị được trực tiếp nhận tiền thuê nhà hàng tháng ít nhất 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý với đề nghị của bị đơn và thực tế từ năm 2019 đến tháng 10/2021 bị đơn không kinh doanh, hiện tại mặt bằng để trống mặc dù bị đơn đang trực tiếp quản lý tài sản nên HĐXX không có cơ sở xem xét đề nghị của bị đơn. Hiện nay bị đơn có nhà ở ổn định nên xét thấy cần buộc bị đơn phải giao trả nhà, đất cho nguyên đơn quản lý, sử dụng.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, được chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ bàn giao tài sản: Ông L và ông Lương Thế K xác định đã ngừng buôn bán cơm tấm từ tháng 4/2022. Ông K đã dọn đồ đạc và bàn giao mặt bằng cho ông L nên không còn nghĩa vụ giao trả tài sản.

[2.4] Về hiện trạng nhà, đất: Quá trình quản lý, sử dụng căn nhà bị đơn xác định không sửa chữa, xây dựng thêm, chỉ bỏ chi phí lắp cửa cuốn bằng sắt nhưng bị đơn đã sử dụng trong thời gian dài nên không yêu cầu về chi phí này. Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2022 xác định nhà, đất tại 38 V1, phường T1, thành phố T có hiện trạng như Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nên có cơ sở buộc bị đơn giao trả cho nguyên đơn nhà, đất theo giấy chứng nhận và hiện trạng khi giao nhận.

Tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ một lần 06 tháng tiền sinh hoạt phí, tương đương 90.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Phía nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 20.000.000 đồng ngay sau khi bị đơn bàn giao nhà, đất là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2.5] Về thỏa thuận góp vốn kinh doanh giữa ông L và ông Lương Thế K: Do ông L và ông K đều xác định tự giải quyết với nhau về quyền và nghĩa vụ liên quan đến thỏa thuận hùn vốn mở quán bán cơm tấm và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp giữa bị đơn và ông Lương Thế K có tranh chấp về hợp đồng góp vốn thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tiền thuê nhà bị mất tương đương 450.000.000 đồng: Ngày 06/5/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158; Điều 163; khoản 1 Điều 166; Điều 169; Điều 494; 496; 499 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Chí V về việc “Đòi tài sản” đối với ông Bành Đặng Chí L;

Ông Bành Đặng Chí L có trách nhiệm bàn giao căn nhà và đất tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: 38 (số cũ 134A7) đường V1, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2498/2004 ngày 15/6/2004 cho ông Đặng Chí V và bà Đàm Tú X. Thực hiện việc bàn giao nhà đất theo giấy chứng nhận và hiện trạng khi giao nhận.

Sau khi ông Bành Đăng Chí L bàn giao nhà đất, ông Đăng Chí V có trách nhiệm hỗ trợ cho ông L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Bành Đăng Chí L bồi thường thiệt hại số tiền 450.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bành Đăng Chí L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đăng Chí V thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.T;
- CCTHADS Tp. T;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh